ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1249/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 05 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017; Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả phúc khảo kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017;

Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 tại Tờ trình số 34/TTr-HĐTTCC ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn các thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định; đăng tải nội dung Quyết định lên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, niêm yết tại trụ sở của Sở Nội vụ và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Hội đồng TTCC tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph b).

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1249 /QĐ-UBND ngày 05 /6 /2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	0745	Hoàng Duy	Tùng	28/02/1989	CV	Quản trị kinh doanh hoặc Tài chính ngân hàng	Theo dõi và tổng hợp chính sách dân tộc	Ban Dân tộc	76,00	75,00	92,00	70,00	65,00	0	335,00
2	0321	H' Lin Na	Knul	22/10/1990	CV	Tiếng Anh	Chuyên viên phi chính phủ nước ngoài	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	68,00	62,50	87,00	80,00	57,50	20	324,50
3	0441	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	29/5/1993	CV	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Quản lý an toàn thực phẩm trong kinh doanh	Sở Công thương	56,50	80,00	81,50	86,00	70,00	0	299,50
4	0505	Nguyễn Hữu Hoàng	Phúc	17/6/1993	CV	Quản trị kinh doanh	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Sở Công thương	77,50	97,50	87,50	68,00	80,00	0	350,00
5	0693	Bùi Thị	Trang	07/3/1990	CV	Luật	Quản lý thị trường	Sở Công thương	80,50	75,00	91,50	73,00	67,50	0	338,50
6	0869	Ngô Thị Thùy	Nhung	30/9/1987	CV	Kế toán	Thủ quỹ	Sở Công thương	78,00	62,50	74,50	55,00	62,50	0	289,50
7	0826	Giao Thanh	Thi	22/9/1992	CS	Dược	Quản lý thị trường	Sở Công thương	55,00	96,00	94,00	50,00	52,00	0	339,00
8	0854	Mai Ái Xuân	Hương	07/01/1989	CV	Kế toán	Kế toán	Sở Giáo dục và Đào	73,50	62,50	77,70	Miễn thi	60,00	20	311,40
9	0426	Lê Trần Hà	Nam	28/01/1989	CV	Kinh tế đối ngoại	Quản lý doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Sở Kế hoạch và Đầu tư	77,00	87,50	86,00	69,00	72,50	0	336,50
10	1017	Nguyễn Trọng	Hiếu	21/3/1987	CV	Khoa học máy tính hoặc Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	65,00	72,00	87,50	70,00	Miễn thi	20	332,00
11	0093	Nguyễn Thành	Đạt	19/5/1991	CV	Quan hệ quốc tế	Hợp tác quốc tế	Sở Ngoại vụ	55,00	72,50	85,00	58,00	72,50	0	297,50
12	0221	Bùi Thị Ngọc	Hiền	03/02/1991	CV	Văn thư lưu trữ hoặc Quản trị văn phòng	Văn thư lưu trữ	Sở Ngoại vụ	66,00	75,00	79,00	66,00	70,00	0	299,00
13	0510	Hồ Thị Bích	Phương	16/11/1988	CV	Luật	Pháp chế	Sở Nội vụ	82,50	100,00	86,00	87,00	60,00	0	354,50
14	0279	Võ Quang	Hùng	16/10/1987	CV	Văn thư lưu trữ hoặc Hành chính hoặc Triết học	Quản lý văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	78,50	87,50	89,00	76,00	67,50	0	344,00
15	0359	Phạm Thị Khánh	Linh	06/9/1987	CV	Hành chính hoặc Kinh tế nông lâm	Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82,00	82,50	96,00	80,00	67,50	20	376,50
16	0720	Phạm Thu Kiều	Trinh	02/9/1993	CV	Hành chính hoặc Quản trị kinh doanh quốc tế	Hành chính tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	64,50	82,50	94,00	80,00	62,50	0	335,00
17	0847	Hoàng Thị	Hiền	14/9/1990	CV	Kế toán hoặc Quản trị kinh doanh	Kế toán, Đội KLCĐ&PCCCR số 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70,00	57,50	90,50	71,00	52,50	0	308,50
18	0959	Nguyễn Đình	Thế	25/4/1984	CV	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Kiểm lâm, HKL huyện Krông Pắc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	62,50	92,50	98,50	61,00	80,00	0	352,00

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
19	0956	Sa Hao Lê	Thanh	17/10/1988	CV	Lâm sinh	Kiểm lâm, HKL huyện Lắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55,00	82,50	94,50	68,00	67,50	20	346,50
20	0964	Huỳnh Thị Bích	Vân	20/12/1988	CV	Luật	Kiểm lâm, HKL huyện Lắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	78,00	95,00	90,00	58,00	70,00	0	353,00
21	0951	Hồ Xuân	Quý	18/11/1983	CV	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm, HKL huyện M'Drắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	72,00	85,00	95,50	51,00	67,50	0	348,00
22	0275	Phạm	Hùng	04/02/1988	CV	Thủy lợi	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93,00	85,00	87,50	86,00	67,50	0	353,00
23	0271	Lê Minh	Hùng	29/7/1990	CV	Thủy lợi	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	57,00	77,50	58,00	61,00	65,00	0	250,50
24	0541	Phan Thị Lệ	Quyên	24/11/1986	CV	Quản lý công hoặc Sinh học	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân tái định cư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	77,00	57,50	84,00	85,00	67,50	0	302,50
25	0910	Nguyễn Văn	Hoành	17/10/1993	CS	Kế toán hoặc Tài chính ngân hàng	Kế toán, HKL huyện Krông Ana	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65,00	60,00	71,00	58,00	72,00	0	267,00
26	0926	Nguyễn Huy	Tuân	16/8/1988	CS	Kế toán tổng hợp hoặc Kế toán	Kế toán, HKL huyện M'Drắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	69,50	52,00	80,00	54,00	68,00	0	281,50
27	1000	Nguyễn Trang	Nguyên	20/9/1989	CS	Kiểm lâm	Kiểm lâm, HKL huyện Ea H'Leo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	59,00	64,00	92,00	57,00	52,00	0	307,00
28	1005	Hoàng Ngọc	Thạch	07/6/1992	CS	Lâm nghiệp	Kiểm lâm, HKL huyện Ea Kar	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85,00	68,00	92,00	52,00	52,00	0	337,00
29	1008	Đào Minh	Tiến	25/02/1994	CS	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm, HKL huyện Ea Súp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74,50	64,00	93,00	65,00	64,00	0	324,50
30	0991	Trần Hoàng	Long	18/4/1993	CS	Kiểm lâm	Kiểm lâm, HKL huyện Krông Bông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93,00	92,00	90,00	60,00	52,00	0	365,00
31	0984	Nguyễn Ngọc	Hải	17/10/1989	CS	Quản lý tài nguyên rừng	Kiểm lâm, HKL huyện Krông Búk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	55,50	64,00	94,00	56,00	64,00	0	307,50
32	0985	Đoàn Mạnh	Hoàn	21/10/1982	CS	Lâm nghiệp	Kiểm lâm, HKL huyện M'Drắk	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	62,00	60,00	94,00	64,00	56,00	0	310,00
33	0909	Cao Thị Hồng	Hạnh	10/12/1993	CS	Kế toán	Thủ quỹ, HKL huyện Cư M'Gar	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56,00	56,00	54,00	73,00	68,00	0	220,00
34	0900	Lê Hòa	An	15/4/1992	CS	Tài chính ngân hàng	Thủ quỹ, HKL huyện Ea H'Leo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52,00	52,00	59,00	71,00	60,00	0	222,00
35	0211	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/01/1990	CV	Hành chính hoặc Thư viện - Thông tin học	Hành chính tổng hợp	Sở Tài chính	70,50	92,50	89,00	86,00	77,50	20	361,00
36	0793	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	14/4/1993	CV	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính hành chính sự	Sở Tài chính	93,00	100,00	98,00	80,00	75,00	0	389,00

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
37	0544	Nguyễn Kiên	Quyết	04/11/1991	CV	Địa chất hoặc Địa chất công trình hoặc Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định hồ sơ thăm dò; cấp phép khai thác, chế biến khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	81,00	100,00	94,00	76,00	65,00	0	369,00
38	0348	Trịnh Ngọc	Liên	02/8/1987	CV	Luật hoặc Quản lý đất đai	Rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tài nguyên và Môi trường	93,50	82,50	97,00	64,00	65,00	10	380,00
39	0215	Nguyễn Thị	Hảo	20/8/1988	CV	Luật	Tổ chức, nhân sự	Sở Tư pháp	77,00	85,00	89,00	80,00	75,00	0	340,00
40	0424	Nguyễn Thị Nga	Mỹ	07/02/1988	CV	Quy hoạch đô thị	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	82,00	85,00	78,00	77,00	72,50	0	323,00
41	0356	Nguyễn Thị Mai	Linh	31/3/1985	CV	Dược sĩ	Quản lý công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	56,00	62,50	79,00	84,00	65,00	0	276,50
42	0306	H' Zen	Kbuôr	08/8/1992	CV	Dược sĩ	Quản lý hành nghề y dược	Sở Y tế	52,00	80,00	65,00	76,00	57,50	20	282,00
43	0325	H Djum	Ktla	26/3/1991	CV	Bác sĩ đa khoa	Thanh tra	Sở Y tế	62,00	65,00	62,00	65,00	62,50	20	271,00
44	0547	Nguyễn Điệp Trúc	Quỳnh	14/8/1994	CV	Luật hoặc Kế toán	Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh	79,50	97,50	94,00	89,00	62,50	0	365,00
45	0566	Mai Thị	Tâm	29/3/1985	CV	Quản trị kinh doanh	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	UBND huyện Cư Kuin	81,00	92,50	88,00	74,00	70,00	0	349,50
46	0428	Võ Văn	Nam	19/02/1993	CV	Luật	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành	UBND huyện Ea H'Leo	77,00	82,50	63,00	75,00	75,00	0	285,50
47	0033	H' Uyên	Ayun	06/9/1982	CV	Luật hoặc Giáo dục chính trị	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	UBND huyện Ea H'Leo	70,00	62,50	80,00	79,00	70,00	20	312,50
48	0129	Đoàn	Dũng	12/10/1995	CV	Lâm sinh hoặc Lâm nghiệp	Quản lý lâm nghiệp	UBND huyện Ea H'Leo	78,00	87,50	87,50	52,00	62,50	0	340,50
49	0572	Trần Hoài	Tân	26/9/1991	CV	Công nghệ và Quản lý môi trường	Quản lý môi trường	UBND huyện Ea H'Leo	78,00	85,00	86,50	74,00	67,50	0	336,00
50	0240	Nguyễn Thị Huỳnh	Hoa	11/10/1992	CV	Thương mại hoặc Kế hoạch đầu tư hoặc Tiếng Trung - Anh chuyên ngành thương mại	Quản lý thương mại	UBND huyện Ea H'Leo	77,00	82,50	88,00	Miễn thi	65,00	0	335,50
51	0738	Lương Đặng Anh	Tuấn	08/12/1992	CV	Xây dựng dân dụng và công	Quản lý xây dựng	UBND huyện Ea H'Leo	74,00	77,50	92,00	63,00	67,50	0	335,50
52	0658	Bùi Hải	Thường	12/4/1982	CV	Luật hoặc Kế toán tổng hợp	Thanh tra	UBND huyện Ea H'Leo	64,00	55,00	84,50	50,00	57,50	10	298,00

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
53	0195	Nguyễn Thị Thu	Hằng	06/4/1981	CV	Văn thư lưu trữ hoặc Hành chính hoặc Tài chính ngân hàng	Quản lý văn thư lưu trữ	UBND huyện Ea Kar	**91,00**	**97,50**	**93,00**	**70,00**	**52,50**	**0**	**374,50**
54	0562	Đặng Xuân	Tài	10/02/1987	CV	Luật	Một cửa	UBND huyện Ea Súp	**79,50**	**92,50**	**74,00**	**75,00**	**75,00**	**0**	**320,00**
55	0791	Cao Hoàng	Vy	09/12/1988	CV	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai - chuyên quản về định giá đất, cho thuê đất...	UBND huyện Ea Súp	**70,00**	**75,00**	**81,00**	**71,00**	**75,00**	**0**	**307,00**
56	0182	Trần Minh	Hải	06/12/1985	CV	Hành chính hoặc Kế toán	Quản lý khoa học và công nghệ	UBND huyện Ea Súp	**72,00**	**72,50**	**87,00**	**72,00**	**62,50**	**0**	**318,50**
57	0410	Phạm Đình	Minh	01/6/1991	CV	Tài chính ngân hàng	Quản lý ngân sách (phụ trách công sản - tài sản)	UBND huyện Ea Súp	**76,00**	**92,50**	**88,00**	**77,00**	**57,50**	**0**	**344,50**
58	0350	Đào Vũ	Linh	05/10/1978	CV	Quản trị nhân lực hoặc Kế toán	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	UBND huyện Ea Súp	**56,50**	**60,00**	**92,00**	**75,00**	**70,00**	**0**	**300,50**
59	0586	Phạm Quang	Thắng	23/11/1988	CV	Luật	Tổng hợp	UBND huyện Ea Súp	**77,00**	**70,00**	**58,00**	**61,00**	**60,00**	**0**	**263,00**
60	1028	Trần Thị Mi	Ni	25/6/1989	CV	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	UBND huyện Krông Ana	**51,50**	**84,00**	**74,00**	**68,00**	**Miễn thi**	**0**	**283,50**
61	0787	Nguyễn Hoàng	Vương	21/5/1985	CV	Luật hoặc Luật kinh doanh	Hành chính tư pháp; Trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở và thẩm định hương ước, quy ước thôn buôn, tổ dân phố	UBND huyện Krông Ana	**79,00**	**97,50**	**84,00**	**73,00**	**67,50**	**0**	**344,50**
62	0378	Lê Văn	Luân	03/8/1989	CV	Hành chính	Kiểm soát thủ tục hành chính	UBND huyện Krông Ana	**78,00**	**75,00**	**82,00**	**60,00**	**70,00**	**0**	**317,00**
63	0298	Phạm Xuân	Huy	16/10/1990	CV	Hành chính hoặc Kinh tế hoặc Quản trị kinh doanh	Lễ tân đối ngoại; Hành chính tổng hợp	UBND huyện Krông Ana	**85,00**	**95,00**	**88,00**	**80,00**	**65,00**	**0**	**356,00**
64	0548	Nguyễn Trọng	Quỳnh	08/7/1988	CV	Luật	Phòng chống tệ nạn xã hội	UBND huyện Krông Ana	**89,50**	**92,50**	**93,50**	**73,00**	**67,50**	**0**	**369,00**
65	0393	Nguyễn Thị Phương	Mai	28/7/1989	CV	Xây dựng cầu đường hoặc Tài chính ngân hàng	Quản lý giao thông vận tải	UBND huyện Krông Ana	**70,00**	**97,50**	**93,00**	**60,00**	**67,50**	**0**	**353,50**
66	0244	Vũ Thị Bích	Hòa	16/8/1992	CV	Kỹ thuật xây dựng hoặc Kế toán hoặc Tài chính ngân	Quản lý kế hoạch - đầu tư; Quản lý ngân sách	UBND huyện Krông Ana	**65,50**	**90,00**	**86,00**	**65,00**	**67,50**	**0**	**327,50**
67	0157	Trần Văn	Giáp	06/11/1989	CV	Thủy lợi hoặc Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý về thủy lợi; Quản lý an toàn nông lâm,	UBND huyện Krông Ana	**65,00**	**90,00**	**85,00**	**52,00**	**62,50**	**0**	**325,00**

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
68	0311	Nguyễn Đức	Khánh	10/3/1988	CV	Kỹ thuật xây dựng	Quản lý xây dựng	UBND huyện Krông Ana	84,00	97,50	92,00	77,00	75,00	0	365,50
69	0342	Phan Thị	Lê	20/6/1988	CV	Kế toán hoặc Lưu trữ và quản trị văn phòng	Quản trị công sở	UBND huyện Krông Ana	83,50	62,50	91,00	79,00	50,00	0	328,00
70	0456	Nguyễn Tuấn	Ngọc	28/10/1993	CV	Kế toán hoặc Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng hoặc Luật	Thanh tra	UBND huyện Krông Ana	79,00	95,00	89,00	78,00	70,00	0	352,00
71	0061	Nguyễn Thị Kim	Chi	26/11/1994	CV	Hành chính hoặc Kế toán	Theo dõi công tác dân tộc	UBND huyện Krông Ana	89,00	100,00	93,00	73,00	75,00	0	375,00
72	0594	Trương Thị	Thanh	04/10/1989	CV	Kinh tế hoặc Tài chính ngân hàng	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	UBND huyện Krông Ana	73,50	92,50	85,00	75,00	57,50	0	336,00
73	0438	Phan Thị Quỳnh	Nga	26/8/1992	CV	Hành chính hoặc Luật	Thi đua khen thưởng; xây dựng chính quyền	UBND huyện Krông Ana	85,50	90,00	78,00	72,00	65,00	0	331,50
74	0369	Nguyễn Thị Thanh	Loan	17/02/1990	CV	Bảo hộ lao động hoặc Tài chính ngân hàng hặc Marketing	Tiền lương và bảo hiểm; Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền	UBND huyện Krông Ana	76,50	92,50	76,00	59,00	67,50	0	321,00
75	0582	Chung Tiến	Thắng	06/6/1986	CV	Hành chính hoặc Kinh tế nông lâm	Hành chính một cửa	UBND huyện Krông Bông	78,50	82,50	90,00	68,00	65,00	20	361,00
76	0741	Nguyễn Thanh	Tuấn	25/10/1991	CV	Xây dựng cầu đường	Quản lý giao thông vận tải	UBND huyện Krông Bông	67,50	87,50	91,50	75,00	75,00	0	338,00
77	0734	Nguyễn Quang	Tú	22/3/1989	CV	Bác sĩ thú y	Quản lý về chăn nuôi	UBND huyện Krông Bông	60,00	70,00	84,00	75,00	72,50	0	298,00
78	0737	Đặng Anh	Tuấn	10/6/1989	CV	Luật hoặc Kế toán	Thanh tra	UBND huyện Krông Bông	76,00	87,50	83,00	74,00	72,50	0	329,50
79	0580	Trần Thị	Thắm	12/5/1984	CV	Luật	Trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở và thẩm định hương ước, quy ước ở thôn, buôn, TDP	UBND huyện Krông Bông	71,50	77,50	67,00	65,00	62,50	20	303,00
80	0075	Trần Thế	Công	02/5/1993	CV	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Quản lý xây dựng	UBND huyện Krông Búk	73,00	97,50	87,00	60,00	67,50	20	364,50
81	0504	Lê Phong	Phú	13/3/1986	CV	Công tác xã hội	Quản lý công tác tôn giáo	UBND huyện Krông Năng	60,00	85,00	66,00	64,00	75,00	0	277,00
82	0723	Đoàn Huỳnh	Trung	12/02/1986	CV	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	UBND huyện Krông Năng	79,50	95,00	93,00	63,00	75,00	0	360,50

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
83	0127	Võ Thị Thùy	Dung	11/3/1989	CV	Văn thư lưu trữ hoặc Hành chính hoặc Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Quản lý văn thư lưu trữ	UBND huyện Krông Năng	**73,50**	**77,50**	**89,00**	**53,00**	**70,00**	**20**	**349,00**
84	0057	Bùi Thị Kim	Chi	19/02/1989	CV	Văn thư lưu trữ hoặc Hành chính hoặc Lưu trữ - Quản trị văn phòng	Văn thư	UBND huyện Krông Năng	**65,50**	**82,50**	**73,00**	**63,00**	**75,00**	**20**	**314,00**
85	0039	Lâm Quang	Bình	06/10/1988	CV	Hành chính hoặc Quản trị kinh	Hành chính một cửa	UBND huyện Krông Pắc	**50,00**	**75,00**	**90,00**	**66,00**	**82,50**	**20**	**325,00**
86	0437	Nguyễn Trần Thu	Nga	02/02/1994	CV	Quản lý nhà nước	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành	UBND huyện Krông Pắc	**82,50**	**82,50**	**80,00**	**76,00**	**62,50**	**0**	**325,00**
87	0503	Y Grát	Ông	28/4/1987	CV	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Quản lý về lâm nghiệp	UBND huyện Lắk	**79,00**	**90,00**	**68,50**	**62,00**	**67,50**	**20**	**326,00**
88	0056	Đỗ Giang	Châu	20/6/1988	CV	Kế toán kiểm toán	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện M'Drắk	**58,00**	**85,00**	**76,00**	**62,00**	**70,00**	**0**	**295,00**
89	0439	Đỗ Thị Kim	Ngân	28/7/1992	CV	Tài chính ngân hàng	Quản lý tài chính ngân sách	UBND huyện M'Drắk	**71,50**	**82,50**	**79,00**	**51,00**	**65,00**	**0**	**312,00**
90	0254	Phạm Ánh	Hồng	24/4/1991	CV	Hành chính hoặc Kế toán	Quản lý thi đua khen thưởng	UBND huyện M'Drắk	**75,00**	**87,50**	**87,00**	**66,00**	**67,50**	**0**	**336,50**
91	0777	Nguyễn Văn	Vinh	15/5/1987	CV	Luật	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	UBND huyện M'Drắk	**76,50**	**95,00**	**79,00**	**66,00**	**67,50**	**0**	**329,50**
92	0408	Nguyễn Anh	Minh	12/12/1986	CV	Kỹ thuật xây dựng	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	UBND huyện M'Drắk	**79,00**	**75,00**	**90,00**	**70,00**	**62,50**	**0**	**334,00**
93	0246	Nguyễn Thị Thanh	Hoàn	20/6/1994	CV	Luật	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện M'Drắk	**72,00**	**72,50**	**91,00**	**66,00**	**67,50**	**0**	**326,50**
94	0452	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	23/9/1994	CV	Quản trị nhân lực hoặc Hệ thống thông tin quản lý	Tiền lương và bảo hiểm	UBND huyện M'Drắk	**82,50**	**87,50**	**97,00**	**80,00**	**72,50**	**0**	**364,00**
95	0074	Phạm Thế	Công	08/3/1973	CV	Công trình thủy lợi	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	**87,50**	**100,00**	**90,00**	**64,00**	**65,00**	**0**	**367,50**
96	1024	Nguyễn Văn	Mạnh	17/8/1982	CV	Điện tử - Viễn thông	Quản lý lĩnh vực thông tin -truyền thông	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	**57,00**	**84,00**	**69,50**	**60,00**	**65,00**	**0**	**280,00**

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi đăng ký dự tuyển				Điểm thi						
					Ngạch	Chuyên ngành cần tuyển (Ghi theo Bảng chỉ tiêu)	Vị trí việc làm đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển	Kiến thức chung	Chuyên ngành (TN)	Chuyên ngành (TL)	Ngoại ngữ	Tin học	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
97	0565	La Thành	Tâm	04/11/1992	CV	Quản trị nguồn nhân lực hoặc Sinh học	Chuyên quản về lao động, việc làm và dạy nghề; an toàn vệ sinh lao	UBND thị xã Buôn Hồ	**83,00**	**62,50**	**88,00**	**77,00**	**72,50**	**0**	**321,50**
98	0004	Phan Hữu	Ân	01/9/1994	CV	Tài chính ngân hàng hoặc Hành	Chuyên trách giúp HĐND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	**77,00**	**90,00**	**94,00**	**80,00**	**60,00**	**0**	**355,00**
99	0676	Nguyễn Bá	Tích	10/11/1994	CV	Quản lý đất đai	Giải quyết khiếu nại tố cáo	UBND thị xã Buôn Hồ	**72,00**	**92,50**	**61,00**	**76,00**	**70,00**	**0**	**286,50**
100	0256	Vũ Thị	Hồng	01/9/1994	CV	Hành chính hoặc Quản lý đất đai	Hành chính tổng hợp	UBND thị xã Buôn Hồ	**53,00**	**75,00**	**91,00**	**60,00**	**57,50**	**0**	**310,00**
101	0141	Huỳnh Thị	Duyên	30/9/1988	CV	Xã hội học	Quản lý văn hóa và gia đình	UBND thị xã Buôn Hồ	**69,00**	**92,50**	**77,00**	**66,00**	**60,00**	**20**	**335,50**
102	0260	Nguyễn Quốc	Huấn	15/9/1987	CV	Kinh tế nông nghiệp	Quản lý về nông nghiệp	UBND thị xã Buôn Hồ	**62,00**	**80,00**	**88,00**	**77,00**	**72,50**	**20**	**338,00**